

Số: /2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung;
tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số
67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 383/TTr-STC
ngày 09 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định:

a) Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới,

phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

b) Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

c) Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của Quyết định này.

Điều 2. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của từng văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục I).

2. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP: Giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (phương thức quản lý trực tiếp).

Điều 3. Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung

Số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, phục vụ người có công, bảo

trợ xã hội, phân giới cấm mốc trên địa bàn tỉnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục II).

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (trừ lĩnh vực y tế), quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục III).

2. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị trong lĩnh vực y tế, quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này (Phụ lục IV).

3. Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các trường hợp xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng đã được trang bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo số lượng và tiêu chuẩn, định mức phù hợp với quy định tại Quyết định này; số xe ô tô dôi dư (nếu có) báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xử lý theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành.

Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2024. Thay thế Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Giám đốc Kho bạc

Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, TT&TT;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng CM thuộc VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (U 10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà